



**CÔNG TY CỔ PHẦN
SÁCH ĐẠI HỌC – DẠY NGHỀ**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	1 - 2
Báo cáo kiểm toán	3
Các Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	4 - 5
• Báo cáo kết quả kinh doanh	6
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	7
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	8 - 23

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sách Đại học – Dạy nghề công bố báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Sách Đại học - Dạy nghề (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 710/QĐ-TC ngày 11 tháng 06 năm 2004 của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101517669 ngày 28 tháng 07 năm 2004 và đăng ký điều chỉnh lần 2 ngày 28 tháng 6 năm 2010 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán HEV. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 11/12/2007.

Vốn điều lệ: 10.000.000.000 đồng, trong đó tỷ lệ phần vốn của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam là 21,73% vốn điều lệ.

Vốn góp thực tế đến 31/12/2012: 10.000.000.000 đồng.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 25 Hàn Thuyên, Phường Phạm Đình Hổ, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại: (84) 04.38256547 – 39717189
- Fax: (84) 04.39717189

Ngành nghề kinh doanh chính

- Tổ chức biên tập, in và phát hành sách phục vụ giáo dục;
- Phát hành sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh, đĩa CD và các ấn phẩm khác được Nhà nước lưu hành;
- Sản xuất, buôn bán các loại văn phòng phẩm, thiết bị dạy nghề.

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối năm tài chính là 28 người. Trong đó, nhân viên quản lý là 8 người.

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập các Báo cáo này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|-------------------------|----------|------------------------------|
| • Ông Trần Nhật Tân | Chủ tịch | Bổ nhiệm lại ngày 04/05/2010 |
| • Bà Ngô Thị Thanh Bình | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 04/05/2010 |
| • Ông Lê Quang Dũng | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 04/05/2010 |
| • Ông Trần Văn Thắng | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 04/05/2010 |
| • Ông Nguyễn Hải Châu | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 04/05/2010 |

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban kiểm soát

- | | | |
|------------------------|------------|------------------------------|
| • Bà Đỗ Thị Phương | Trưởng ban | Bổ nhiệm lại ngày 04/05/2010 |
| • Ông Nguyễn Hồng Ánh | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 04/05/2010 |
| • Bà Nguyễn Thị Thu Hà | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 04/05/2010 |

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|-------------------------|----------------|------------------------------|
| • Bà Ngô Thị Thanh Bình | Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 04/05/2010 |
| • Ông Trần Văn Thắng | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm lại ngày 04/05/2010 |
| • Ông Trần Trọng Tiến | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 16/01/2012 |
| • Ông Lê Quang Dũng | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm lại ngày 04/05/2010 |

Kiểm toán độc lập

Các Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính 217 Nguyễn Văn Linh, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0511.3655886; Fax: (84) 0511.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc trong việc lập các Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập các Báo cáo tài chính trên nguyên tắc hoạt động liên tục.

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2012 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

Thay mặt Ban Giám đốc
Giám đốc

Ngô Thị Thanh Bình

Hà Nội, ngày 07 tháng 03 năm 2013



CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN QUỐC TẾ CỦA POLARIS INTERNATIONAL

Trụ sở chính

217 Nguyễn Văn Linh, Q. Thanh Khê, Tp. Đà Nẵng

Tel: 84.511.3655886; Fax: 84.511.3655887

Email: aac@dng.vnn.vn

Website: <http://www.aac.com.vn>

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh

47-49 Hoàng Sa (Tầng 5 Tòa nhà Hoàng Đan)

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349

Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 157/BCKT-AAC

Đà Nẵng, ngày 07 tháng 03 năm 2013

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các Cổ đông
Công ty Cổ phần Sách Đại học – Dạy nghề

Chúng tôi đã kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2012, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 15/02/2013 của Công ty Cổ phần Sách Đại học – Dạy nghề (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đính kèm từ trang 4 đến trang 23. Các Báo cáo tài chính này được lập theo Chế độ kế toán Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty và của Kiểm toán viên

Việc lập các Báo cáo tài chính này là trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là dựa trên các bằng chứng kiểm toán để đưa ra ý kiến độc lập của mình về tính trung thực và hợp lý của các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán.

Cơ sở đưa ra ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Theo đó, chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong các Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc Công ty cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của mình.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên mọi khía cạnh trọng yếu thì các Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2012 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2012, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan về lập và trình bày báo cáo tài chính.

KT. Tổng Giám đốc

Lê Khắc Minh

Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ KTV số Đ.0103/KTV

Trần Thị Nở

Kiểm toán viên

Chứng chỉ KTV số 1135/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung
có liên quan của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		21.244.680.673	20.778.194.749
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		3.203.432.607	2.841.398.570
1. Tiền	111	5	703.432.607	841.398.570
2. Các khoản tương đương tiền	112	6	2.500.000.000	2.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		4.700.000.000	4.700.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	7	4.700.000.000	4.700.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.435.697.670	3.857.160.800
1. Phải thu khách hàng	131		3.783.470.481	4.630.071.144
2. Trả trước cho người bán	132		51.494.500	47.264.000
3. Các khoản phải thu khác	135	8	8.250.000	20.533.540
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(407.517.311)	(840.707.884)
IV. Hàng tồn kho	140	9	9.905.550.396	9.379.635.379
1. Hàng tồn kho	141		10.640.301.412	10.223.305.794
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(734.751.016)	(843.670.415)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		312.450.521	270.397.388
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		-	12.613.135
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	-	12.613.135
- Nguyên giá	222		1.268.519.997	1.268.519.997
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.268.519.997)	(1.255.906.862)
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	11	307.800.000	247.000.000
1. Đầu tư dài hạn khác	258		634.000.000	634.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(326.200.000)	(387.000.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		4.650.521	10.784.253
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	4.650.521	10.784.253
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		21.557.131.194	21.048.592.137

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Ngày 31 tháng 12 năm 2012

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		5.280.855.538	5.896.734.825
I. Nợ ngắn hạn	310		5.225.855.538	5.841.734.825
1. Phải trả người bán	312		1.723.872.890	1.310.375.562
2. Người mua trả tiền trước	313		14.077.500	570.700
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	555.049.997	1.474.479.410
4. Phải trả người lao động	315		1.420.721.106	1.678.058.533
5. Chi phí phải trả	316	14	929.969.780	554.321.750
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	15	82.032.296	345.831.611
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		500.131.969	478.097.259
II. Nợ dài hạn	330		55.000.000	55.000.000
1. Phải trả dài hạn khác	333	16	55.000.000	55.000.000
2. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		16.276.275.656	15.151.857.312
I. Vốn chủ sở hữu	410		16.276.275.656	15.151.857.312
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	17	10.000.000.000	10.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	17	1.890.000.000	1.890.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	417	17	600.414.374	600.414.374
4. Quỹ dự phòng tài chính	418	17	609.344.310	609.344.310
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	17	3.176.516.972	2.052.098.628
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		21.557.131.194	21.048.592.137

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
1. Nợ khó đòi đã xử lý	565.679.294	-
2. Ngoại tệ các loại	-	-

Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập biểu

Ngô Thị Thanh Bình

Lê Quang Dũng

Hoàng Quốc Khánh

Hà Nội, ngày 15 tháng 02 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung
có liên quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã	Thuyết minh	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
1. Doanh thu bán hàng & cc dịch vụ	01	18	23.595.700.453	24.615.263.097
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	18	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10	18	23.595.700.453	24.615.263.097
4. Giá vốn hàng bán	11	19	15.410.754.588	15.624.109.379
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		8.184.945.865	8.991.153.718
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	924.923.308	1.002.331.625
7. Chi phí tài chính	22	21	(60.800.000)	178.600.000
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		697.327.650	789.923.955
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		5.646.799.258	5.666.523.759
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.826.542.265	3.358.437.629
11. Thu nhập khác	31	22	146.575.942	70.611.347
12. Chi phí khác	32	23	72.234.335	313.099.868
13. Lợi nhuận khác	40		74.341.607	(242.488.521)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	24	2.900.883.872	3.115.949.108
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	24	376.465.528	802.511.961
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	24	2.524.418.344	2.313.437.147
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	2.524	2.313

Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập biểu

Ngô Thị Thanh Bình

Lê Quang Dũng

Hoàng Quốc Khánh

Hà Nội, ngày 15 tháng 02 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung
có liên quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	24.600.052.620	29.294.487.053
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(18.285.701.227)	(22.513.206.241)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(4.039.035.453)	(6.149.565.000)
4. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(1.224.377.042)	(570.849.497)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	79.024.391	1.129.860.475
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(727.024.523)	(795.291.963)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	402.938.766	395.434.827
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	-	1.300.000.000
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	859.095.271	997.998.291
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	859.095.271	2.297.998.291
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	-
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(900.000.000)	(1.900.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(900.000.000)	(1.900.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	362.034.037	793.433.118
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	2.841.398.570	2.047.965.452
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	3.203.432.607	2.841.398.570

Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập biểu

Ngô Thị Thanh Bình

Lê Quang Dũng

Hoàng Quốc Khánh

Hà Nội, ngày 15 tháng 02 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

1. Đặc điểm hoạt động

Công ty Cổ phần Sách Đại học - Dạy nghề (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 710/QĐ-TC ngày 11 tháng 06 năm 2004 của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101517669 ngày 28 tháng 07 năm 2004 và đăng ký điều chỉnh lần 2 ngày 28 tháng 6 năm 2010 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Ngành nghề kinh doanh chính

- Tổ chức biên tập, in và phát hành sách phục vụ giáo dục;
- Phát hành sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh, đĩa CD và các ấn phẩm khác được Nhà nước lưu hành;
- Sản xuất, buôn bán các loại văn phòng phẩm, thiết bị dạy nghề.

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các qui định về sửa đổi, bổ sung có liên quan của Bộ Tài chính.

Hình thức kế toán: Nhật ký chung.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.2. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4.3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và hạch toán kế toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh và các khoản đầu tư tài chính khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán được lập cho các loại chứng khoán đầu tư của Công ty bị giảm giá tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.5. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện tăng được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty thực hiện khấu hao nhanh gấp 2 lần đối với toàn bộ tài sản cố định. Năm 2012 toàn bộ tài sản cố định của Công ty đã hết khấu hao.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phương tiện vận tải	3
Thiết bị dụng cụ quản lý	1,5

4.6. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4.7. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hoá và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hoá đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay trong giai đoạn đầu tư xây dựng các công trình xây dựng cơ bản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó. Khi công trình hoàn thành thì chi phí đi vay được tính vào chi phí tài chính trong kỳ.

Tất cả các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ khi phát sinh.

4.9. Phân phối lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế được trích lập các quỹ và chia cho các cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội Cổ đông.

4.10. Ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

4.11. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc niên độ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

4.12. Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10%. Là doanh nghiệp nhỏ và vừa, Công ty được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2012 theo Nghị quyết số 29/2012/QH13 ngày 21 tháng 06 năm 2012 của Quốc hội về ban hành một số chính sách thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho tổ chức và cá nhân.
- Thuế giá trị gia tăng: Các loại sách cho đại học và dạy nghề là hàng hóa thuộc đối tượng không chịu thuế. Đối với từ điển các loại áp dụng mức thuế suất 5%. Đối với các loại sổ sách chuyên môn áp dụng mức thuế suất 10%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.13. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.14. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

5. Tiền

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tiền mặt	45.113.835	52.217.154
Tiền gửi ngân hàng	658.318.772	789.181.416
Cộng	703.432.607	841.398.570

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

6. Các khoản tương đương tiền

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tiền gửi kỳ hạn 1 tháng	2.500.000.000	2.000.000.000
Cộng	2.500.000.000	2.000.000.000

7. Đầu tư ngắn hạn

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Cho Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Việt Nam vay	4.700.000.000	4.700.000.000
Cộng	4.700.000.000	4.700.000.000

Cho Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam vay theo hợp đồng số 01-2012/HĐVV/HEV-NXBGDVN ngày 01/01/2012 thời gian vay là 12 tháng kể từ ngày 01/01/2012, phụ lục hợp đồng số 06/2012/PL-HĐVV ký ngày 01/06/2012 và phụ lục hợp đồng số 10/2012/PL-HĐVV ngày 01/10/2012 với lãi suất 12,5%/năm.

8. Các khoản phải thu khác

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Lãi dự thu tiền gửi kỳ hạn 1 tháng	8.250.000	11.666.667
Phải thu khác	-	8.866.873
Cộng	8.250.000	20.533.540

9. Hàng tồn kho

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	11.615.208	16.505.115
Chi phí SX, KD dở dang	30.070.500	13.188.000
Thành phẩm	10.564.996.434	10.094.372.769
Hàng hóa	33.619.270	99.239.910
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(734.751.016)	(843.670.415)
Cộng	9.905.550.396	9.379.635.379

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

10. Tài sản cố định hữu hình

	P.tiền vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số đầu năm	1.009.219.000	259.300.997	1.268.519.997
Mua sắm trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	1.009.219.000	259.300.997	1.268.519.997
Khấu hao			
Số đầu năm	1.009.219.000	246.687.862	1.255.906.862
Khấu hao trong năm	-	12.613.135	12.613.135
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	1.009.219.000	259.300.997	1.268.519.997
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	-	12.613.135	12.613.135
Số cuối năm	-	-	-

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2012 là 1.268.519.997 đồng.
Không có tài sản cố định nào đang cầm cố, thế chấp tại ngày 31/12/2012.

11. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2012		31/12/2011	
	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị VND	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị VND
Đầu tư dài hạn khác	38.000	634.000.000	38.000	634.000.000
- <i>Cổ phiếu STC (*)</i>	38.000	634.000.000	38.000	634.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (STC) (**)		(326.200.000)		(387.000.000)
Cộng		307.800.000		247.000.000

(*) Tại ngày 31/12/2012, Công ty đang sở hữu 38.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là cổ phiếu đang niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán STC. Giá giao dịch bình quân của cổ phiếu này tại ngày 31/12/2012 là 8.100 đồng/cổ phiếu.

(**) Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán này được lập căn cứ vào:

- Số lượng cổ phiếu Công ty đang nắm giữ;
- Chênh lệch giữa giá giao dịch bình quân ngày 31/12/2012 tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và giá gốc của chứng khoán đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

12. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Chi phí sửa chữa sách chờ phân bổ	4.650.521	10.784.253
Cộng	4.650.521	10.784.253

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	6.951.809	3.738.212
Thuế thu nhập doanh nghiệp	388.127.992	1.236.039.506
Thuế thu nhập cá nhân	159.970.196	234.701.692
Cộng	555.049.997	1.474.479.410

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

14. Chi phí phải trả

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Chi phí đầu thầu bản thảo	282.609.780	55.450.750
Tiền nhuận bút phải trả	647.360.000	498.871.000
Cộng	929.969.780	554.321.750

15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	51.524.346	99.612.661
Các khoản phải trả, phải nộp khác	30.507.950	246.218.950
Cộng	82.032.296	345.831.611

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

16. Phải trả dài hạn khác

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	55.000.000	55.000.000
Cộng	55.000.000	55.000.000

17. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND
Số dư tại 01/01/2011	10.000.000.000	1.890.000.000	600.414.374	609.344.310	2.524.338.684
Tăng trong năm	-	-	-	-	2.313.437.147
Giảm trong năm	-	-	-	-	2.785.677.203
Số dư tại 31/12/2011	10.000.000.000	1.890.000.000	600.414.374	609.344.310	2.052.098.628
Số dư tại 01/01/2012	10.000.000.000	1.890.000.000	600.414.374	609.344.310	2.052.098.628
Tăng trong năm	-	-	-	-	2.524.418.344
Giảm trong năm	-	-	-	-	1.400.000.000
Số dư tại 31/12/2012	10.000.000.000	1.890.000.000	600.414.374	609.344.310	3.176.516.972

b. Cổ phiếu

	31/12/2012 Cổ phiếu	31/12/2011 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	1.000.000	1.000.000
- Cổ phiếu thường	1.000.000	1.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.000.000	1.000.000
- Cổ phiếu thường	1.000.000	1.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000VND		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

c. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

		31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Lợi nhuận năm trước chuyển sang		2.052.098.628	2.524.338.684
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp		2.524.418.344	2.313.437.147
Phân phối lợi nhuận		1.400.000.000	2.785.677.203
Phân phối lợi nhuận năm trước	(i)	900.000.000	1.372.240.056
- Chia cổ tức		900.000.000	1.000.000.000
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi		-	174.280.056
- Trích quỹ khen thưởng ban điều hành		-	197.960.000
Tạm phân phối lợi nhuận năm nay	(ii)	500.000.000	1.413.437.147
- Chia cổ tức		-	900.000.000
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi		500.000.000	513.437.147
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		3.176.516.972	2.052.098.628

- (i) Phân phối lợi nhuận năm trước theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2012 ngày 14/04/2012.
(ii) Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo kế hoạch năm 2012 trong Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2012.

18. Doanh thu

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Tổng doanh thu	23.595.700.453	24.615.263.097
+ Sách Đại học - Dạy nghề	21.076.637.834	21.914.624.249
+ Sách liên kết phát hành trọn gói	2.122.028.818	529.092.000
+ Sách tham khảo mua ngoài	293.978.270	874.063.998
+ Sổ sách chuyên môn có thuế	12.815.531	270.265.565
+ Bán giấy và dịch vụ biên tập	90.240.000	1.027.217.285
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.595.700.453	24.615.263.097

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

19. Giá vốn hàng bán

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Giá vốn sách Đại học - Dạy nghề	13.655.925.221	14.964.055.068
Giá vốn sách liên kết phát hành trọn gói	1.503.640.486	383.315.071
Giá vốn sách tham khảo mua ngoài	280.170.468	808.541.816
Giá vốn sổ sách chuyên môn có thuế	7.745.812	161.810.351
Giá vốn giấy và dịch vụ biên tập	72.192.000	958.098.900
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(108.919.399)	(1.651.711.827)
Cộng	15.410.754.588	15.624.109.379

20. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	845.123.308	952.931.625
Cổ tức, lợi nhuận được chia	79.800.000	49.400.000
Cộng	924.923.308	1.002.331.625

21. Chi phí tài chính

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	(60.800.000)	178.600.000
Cộng	(60.800.000)	178.600.000

22. Thu nhập khác

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Thu nhập từ thanh lý hàng tồn kho	2.138.182	13.050.770
Thu nhập từ xử lý kiểm kê cuối năm	61.634.010	55.820.577
Phí quản lý xuất bản được giảm	64.058.750	-
Thu nhập khác	18.745.000	1.740.000
Cộng	146.575.942	70.611.347

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

23. Chi phí khác

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Xử lý kiểm kê cuối năm	58.220.461	146.524.979
Xuất sách thanh lý	3.599.015	-
Phạt thuế	-	165.967.898
Tiền nhuận bút năm 2011 (năm trước chi sót)	10.200.000	-
Chi phí khác	214.859	606.991
Cộng	72.234.335	313.099.868

24. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và lợi nhuận sau thuế trong năm

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.900.883.872	3.115.949.108
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	20.543.313	207.836.398
Điều chỉnh tăng	100.343.313	257.236.398
- Chi phí không hợp lệ, hợp lệ	65.503.313	35.503.500
- Thù lao HĐQT không trực tiếp tham gia quản lý, điều hành	34.840.000	53.015.000
- Phạt thuế, phạt chậm nộp tờ khai	-	168.717.898
Điều chỉnh giảm (Lợi nhuận được chia)	79.800.000	49.400.000
Tổng thu nhập chịu thuế	2.921.427.185	3.323.785.506
- Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chính	1.930.747.411	2.534.663.111
- Thu nhập khác	990.679.774	789.122.395
Thuế thu nhập doanh nghiệp	440.744.685	830.946.377
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm 30%	64.279.157	249.283.913
Chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	376.465.528	802.511.961
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh năm nay	376.465.528	581.662.464
- Chi phí thuế TNDN hiện hành điều chỉnh các năm trước	-	220.849.497
Lợi nhuận sau thuế TNDN	2.524.418.344	2.313.437.147

25. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.524.418.344	2.313.437.147
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán	-	-
LN hoặc Lỗ phân bổ cho Cổ đông sở hữu CP phổ thông	2.524.418.344	2.313.437.147
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	1.000.000	1.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.524	2.313

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

26. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi phí nhân công	3.781.698.026	5.723.268.563
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.613.135	271.617.152
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.269.505.127	15.244.487.788
Chi phí khác bằng tiền	927.382.492	841.183.590
Cộng	21.991.198.780	22.080.557.093

27. Các bên liên quan

a. Thông tin về các bên liên quan

Công ty liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục Việt Nam	Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng	Công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại Hà Nội	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP.Hồ Chí Minh	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Học liệu	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP DVXB Giáo dục tại Hà Nội	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP In Diên Hồng	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP In SGK tại Hà Nội	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBGD Miền Bắc	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBGD Miền Trung	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBGD Miền Nam	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBGD Cửu Long	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP ĐT&PT GD Phương Nam	Chung Công ty đầu tư

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

b. Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Bán hàng			
Công ty CP Sách Giáo dục tại Hà Nội	Cung ứng sách ĐH-DN	587.225.160	508.908.765
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP HCM	Cung ứng sách ĐH-DN	2.060.723.030	2.344.793.818
Công ty CP Sách và TBGD Miền Bắc	Cung ứng sách ĐH-DN	2.076.467.612	1.521.915.422
Công ty CP Sách và TBGD Miền Trung	Cung ứng sách ĐH-DN	756.296.980	696.636.154
Công ty CP Sách và TBGD Miền Nam	Cung ứng sách ĐH-DN	2.181.445.568	1.771.868.994
Công ty CP Sách và TBGD Cửu Long	Cung ứng sách ĐH-DN	716.914.712	972.944.711
Mua hàng			
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục VN	Mua tem chống giả	42.768.000	38.880.000
	Tiền điện, thuê nhà và các dịch vụ khác	392.886.353	368.828.963
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP HCM	Mua sách tham khảo	131.195.315	185.511.563
Công ty CP Học liệu	Tiền điện, thuê nhà	93.151.000	106.021.000
Công ty CP In Diên Hồng	Tiền in sách ĐH-DN	111.917.918	544.845.329
Công ty CP In SGK tại Hà Nội	Tiền in sách ĐH-DN	1.174.521.544	713.477.849
Công ty CP DVXB Giáo dục tại Hà Nội	Chi phí đầu thầu	74.440.750	35.479.500
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà nội	Phí quản lý xuất bản	913.905.000	589.649.000
Giao dịch khác			
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục VN	Thu nhập từ lãi cho vay	694.555.557	849.005.136

c. Số dư các khoản phải thu, phải trả với các bên liên quan tại ngày 31/12/2011

Công ty liên quan	Nội dung	Nợ phải thu VND	Nợ phải trả VND
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục Việt Nam	Cho vay	4.700.000.000	-
	Lãi vay chưa thu	69.244.704	-
Công ty CP Sách Giáo dục tại Hà Nội	Phải thu khách hàng	316.237.660	-
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP Hồ Chí Minh	Phải thu khách hàng	852.019.963	-
Công ty CP Sách và TBGD Miền Bắc	Phải thu khách hàng	180.918.454	-
Công ty CP Sách và TBGD Miền Nam	Phải thu khách hàng	66.415.108	-
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Phải trả người bán	-	318.030.500
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng	Phải trả người bán	-	30.000.000
Công ty CP In Diên Hồng	Phải trả người bán	-	20.000.000
Công ty CP In SGK tại Hà Nội	Phải trả người bán	-	200.000.000
Công ty Cổ phần học liệu	Phải trả người bán	-	27.000.000
Công ty CP ĐT&PT GD Phương Nam	Phải trả người bán	-	200.000.000

28. Cổ tức

Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2011 ngày 14/04/2012, cổ tức của năm 2011 là 18%/vốn điều lệ. Theo đó, trừ cổ tức đã được chi trả trong năm 2011 với tỷ lệ 9%/vốn điều lệ (tương ứng 900.000.000 đồng), Công ty tiếp tục chi trả hết số cổ tức còn lại tỷ lệ 9%/vốn điều lệ (tương ứng 900.000.000 đồng) trong 6 tháng đầu năm 2012.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

29. Công cụ tài chính

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả trong từng thời kỳ nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về giá. Do không có ngoại tệ và các khoản vay nên Công ty không chịu rủi ro về tỷ giá, lãi suất.

Rủi ro về giá

Chi phí in ấn chiếm phần lớn trong giá vốn hàng hóa nên Công ty chịu rủi ro về giá phí in ấn. Công ty quản lý rủi ro này thông qua việc tìm kiếm khách hàng cung cấp với phí dịch vụ thấp nhất, tập trung số lượng in lớn trên bản in để giảm chi phí.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng khác nhau hơn nữa khách hàng của Công ty là Công ty Sách lớn hoặc Bộ Giáo dục, các Trường Đại học. Đây là các khách hàng truyền thống, tình hình thanh toán kịp thời. Mặt khác đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán Công ty cũng thường xuyên đơn đốc thu hồi nợ và thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo quy định.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

31/12/2012	Đơn vị tính: VND		
	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	1.723.872.890	-	1.723.872.890
Chi phí phải trả	929.969.780	-	929.969.780
Phải trả khác	30.507.950	55.000.000	85.507.950
Cộng	<u>2.684.350.620</u>	<u>55.000.000</u>	<u>2.739.350.620</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

31/12/2011	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	1.310.375.562	-	1.310.375.562
Chi phí phải trả	554.321.750	-	554.321.750
Phải trả khác	246.218.950	55.000.000	301.218.950
Cộng	2.110.916.262	55.000.000	2.165.916.262

Ban Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

Đơn vị tính: VND

31/12/2012	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.203.432.607	-	3.203.432.607
Phải thu khách hàng	3.375.953.170	-	3.375.953.170
Phải thu khác	8.250.000	-	8.250.000
Cho vay	4.700.000.000	-	4.700.000.000
Đầu tư tài chính	-	307.800.000	307.800.000
Cộng	11.287.635.777	307.800.000	11.595.435.777

31/12/2011	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.841.398.570	-	2.841.398.570
Phải thu khách hàng	3.789.363.260	-	3.789.363.260
Phải thu khác	20.533.540	-	20.533.540
Cho vay	4.700.000.000	-	4.700.000.000
Đầu tư tài chính	-	247.000.000	247.000.000
Cộng	11.351.295.370	247.000.000	11.598.295.370

30. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Vì vậy, Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chính là biên tập, phát hành sách đại học dạy nghề và một bộ phận địa lý chính là lãnh thổ Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

31. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong các Báo cáo tài chính.

32. Số liệu so sánh

Là số liệu trong báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 đã được kiểm toán bởi AAC.

Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập biểu

Ngô Thị Thanh Bình

Lê Quang Dũng

Hoàng Quốc Khánh

Hà Nội, ngày 15 tháng 02 năm 2013